

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 06/9/2023.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và ông Trương Duy Cảnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum .

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát
viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 06/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh
Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
68/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2023, về việc: “*Ly hôn*”, theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2023, giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y S “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh A Y “Vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Y S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A Y chung sống với nhau có đăng ký
kết hôn, trước khi kết hôn có sự tìm hiểu, việc kết hôn là tự nguyện tại Ủy ban
nhân dân phường phường T, thị xã K, tỉnh Kon Tum vào ngày 17/4/1999. Sau
khi kết hôn vợ, chồng sống tương đối hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu
thuẫn, nguyên nhân là do anh A Y thường xuyên uống rượu, bỏ bê gia đình con
cái, không quan tâm đến vợ con. Vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, anh A Y
đánh đập chị nhiều lần, đến năm 2012 thì chị đưa bốn con chung bỏ về nhà mẹ
đẻ, làm nhà ở riêng từ đó đến nay. Không ai quan tâm đến ai, việc ai người ấy
làm, chị tự làm nuôi con, anh A Y không chu cấp nuôi con. Nay chị xác định
tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn
với anh A Y; Về con chung: Chị khai vợ chồng sinh được 04 con chung là Y Y1,
sinh năm 1998; A Y2, sinh năm 2000; Y V, sinh ngày 01/02/2004; A S1, sinh ngày
15/8/2005, khi khởi kiện thì con chung là cháu A S1 chưa đủ 18 tuổi nên chị yêu
cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp nuôi con. Hiện tại cháu S1 đã đủ 18 tuổi và tự

lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Chị tự nguyện xin rút yêu cầu về tranh chấp nuôi con với anh A Y; Về tài sản chung, nợ nần chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết; Về án phí DSST chị nhận chịu.

Bị đơn: Anh A Y đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A Y không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh A Y đã được triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y S. Chị Y S được ly hôn với anh A Y. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Các con chung đều đã đủ 18 tuổi và tự lập được, nguyên đơn xin tự nguyện rút yêu cầu về tranh chấp nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm chị Y S phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố K nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố K giải quyết là đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân:

Chị Y S và chị anh A Y chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị Y S xin ly hôn với anh A Y, anh A Y biết việc khởi kiện xin ly hôn của chị Y S nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, anh A Y

phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua các tài liệu, chứng cứ thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị Y S và anh A Y đã xảy ra mâu thuẫn do anh A Y uống rượu, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến năm 2012 anh, chị đã không còn chung sống với nhau từ đó đến nay (BL 39). Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A Y. Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị Y S và anh A Y không còn có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hôn nhân của chị Y S và anh A Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Y S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A Y là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

- Về con chung:

Vợ, chồng anh A Y và chị S sinh được 04 con chung là Y Y1, sinh năm 1998; A Y2, sinh năm 2000; Y V, sinh ngày 01/02/2004; A S1, sinh ngày 15/8/2005, khi khởi kiện thì 03 con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được, còn cháu A S1 chưa đủ 18 tuổi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con. Hiện tại cháu S1 đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Chị tự nguyện xin rút yêu cầu về tranh chấp nuôi con với anh A Y. HĐXX xét thấy xét thấy là phù hợp với pháp luật theo quy định tại Điều 243 và 244 BLTTDS cần chấp nhận và đình chỉ xét xử, không giải quyết nữa là phù hợp với phần yêu cầu này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm): 300.000 đồng, chị S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 243 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con của chị Y S;

2. Chấp nhận yêu cầu về "Ly hôn" theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2023 của nguyên đơn chị Y S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y S được ly hôn A Y.

- Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Y S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y S đã nộp theo biên lai số 0001291 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị Y S đã nộp đủ tiền án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP K;
- Chi cục THA dân sự TP K;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung